TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2020
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hồng Khánh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;

2. Ông Nông Văn Thịnh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Miền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1977.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: TDP T1, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T2.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh D về chung sống với nhau từ năm 1995, không đăng ký kết hôn, tuy nhiên hai bên gia đình vẫn tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trước khi về ở với nhau, hay bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Chị T xác định do tìm hiểu không kỹ nên khi về ở với nhau, hai anh chị thường xảy ra xô xát, anh D thường

xuyên chửi bới đánh đập chị, chị T cố nhịn vì con nhưng càng nhịn, anh D càng được đà đánh đập, chửi bới chị ngày đêm. Đến năm 2019, do không thể chịu đựng được cuộc sống như vậy nên chị T chuyển ra ngoài sống. Đến nay xác định đã hết tình cảm với anh D nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là Bùi Văn M, sinh ngày 31/3/2002 và Bùi Văn P2, sinh ngày 29/11/1996, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai tại Tòa án, bị đơn là anh Bùi Văn D trình bày:

Tháng 2/1995, anh D và chị T về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trước khi cưới hai anh chị được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Hai anh chị về sống với bố mẹ anh D ở xóm T1, xã Đ, huyện P (nay là tổ dân phố T1, thị trấn Đ, huyện P). Hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc từ năm 1995. Trong những năm trở lại đây, hai anh chị có xảy ra xô xát nhỏ do chị T hay đi chợ về muộn. Đến nay xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên anh D muốn chị T quay về đoàn tụ, vì con, vì cháu.

- Về con chung: Hai anh chị có 02 con chung như chị T đã trình bày. Con chung đã trưởng thành, hiện đang ở cùng với anh D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do chị T và anh D không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ hoặc thuận tình ly hôn, vụ án được đưa ra xét xử tại phiên toà công khai.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Bùi Văn D. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị T và anh Bùi Văn D (cùng HKTT: TDP T1, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T2). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Bùi Văn D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, giữa hai anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã lẫn nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh D cho rằng chị T mải mê buôn bán ở chợ, không chăm lo cho gia đình. Thực tế hai anh chị đã không sống chung với nhau từ năm 2019 và không còn quan tâm đến nhau. Chị T và anh D không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa chị T và anh D không được pháp luật thừa nhận là quan hệ vợ chồng. Cần căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Bùi Văn D là phù hợp.

Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35 quy định như sau: *"Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng lý kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

Sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

[3] Con chung: Hai anh chị có 02 con chung là Bùi Văn P2, sinh ngày 29/11/1996 và Bùi Văn M, sinh ngày 31/3/2002, các con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D đều xác nhận không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ các Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Bùi Văn D.

2. Án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004127 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

3. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Bùi Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- UBND xã Đ, TT. Đ;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Khánh

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
	Nguyễn Lưu Thắng